BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN SAO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Minh Huy	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Long	Ủy viên
Ông Trần Văn Sự	Ủy viên

Ban giám đốc

Bà Lê Thị Lan	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 04 tháng 11 năm 2015)
Ông Trần Minh Huy	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04 tháng 11 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 12864 quyển số 5 /2016 -SCT/BS
Ngày 22 -09- 2016
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thanh Thúy

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

Lê Thị Lan
Giám đốc
Kon Tum, ngày 15 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á (ASA)
ASIAN AUDITING CO., LTD
P1107, Số 262 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-4) 3858 1122 - Fax: (84-4) 3858 5533

BẢN SAO

Số: 17/2016/BCKT.TC-ASA.01

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/03/2016, từ trang 04 đến trang 15, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

HÌNH THỨC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 12865 quyển số 5 /2016 -SCT/BS
Ngày 22 -09- 2016
PHÓ CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0102000577 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN CHÂU Á - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

UBND PHƯỜNG THẮNG LỢI TP. KON TUM T. KON TUM

Trần Thị Thanh Thủy

Đỗ Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán số:
2582-2014-239-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á (ASA)
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Bình
Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán số:
1635-2014-239-1

MẪU SỐ B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.688.416.676**	**2.736.746.248**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**1.136.636.405**	**665.116.604**
1. Tiền	111	5	1.136.636.405	665.116.604
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.000.000.000**	**1.600.000.000**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	1.000.000.000	1.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**471.629.644**	**471.629.644**
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	471.629.644	471.629.644
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**80.150.627**	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.081.545	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	44.069.082	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**31.474.255.943**	**31.279.104.772**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**3.211.930.845**	**3.377.595.129**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.211.930.845	3.377.595.129
Nguyên giá	*222*		*5.206.401.196*	*5.206.401.196*
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(1.994.470.351)*	*(1.828.806.067)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**360.815.455**	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	360.815.455	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**27.901.509.643**	**27.901.509.643**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	27.901.509.643	27.901.509.643
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**34.162.672.619**	**34.015.851.020**

MẪU SỐ B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

BẢN SAO

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**181.766.309**	**179.647.674**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**181.766.309**	**179.647.674**
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	151.425.716	144.006.272
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		30.340.593	35.641.402
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**33.980.906.309**	**33.836.203.346**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	12	**33.980.906.309**	**33.836.203.346**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.797.400.000	32.797.400.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		305.301.616	233.752.829
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		878.204.693	805.050.517
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước.	421a		805.050.517	649.008.307
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		73.154.176	156.042.210
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**34.162.672.619**	**34.015.851.020**

Kon Tum, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phạm Thị Hải Ngọc	Phạm Thị Hải Ngọc	Đỗ Thị Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 4866 quyển số 5 /2016 SCT/BS
Ngày 22-09-2016

U.B.N.D PHƯỜNG THẮNG LỢI TP. KON TUM T. KON TUM

Trần Thị Thanh Thúy

MẪU SỐ B 02-DN

BẢN SAO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**13**	**2.775.562.946**	**2.814.847.165**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**2.775.562.946**	**2.814.847.165**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**14**	**1.617.995.903**	**1.641.721.234**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1.157.567.043**	**1.173.125.931**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	102.702.502	176.931.305
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		665.394.088	612.389.453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**594.875.457**	**737.667.783**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		1.648.721	8.734.783
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(1.648.721)**	**(8.734.783)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**593.226.736**	**728.933.000**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	119.247.979	147.533.557
16. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**473.978.757**	**581.399.443**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	17	145	177

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 14867 quyển số 5 /2016 - SCT/BS
Ngày 22 -09- 2016
PHÓ CHỦ TỊCH

Kon Tum, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phạm Thị Hải Ngọc	Phạm Thị Hải Ngọc	Lê Thị Lan

Trần Thị Thanh Thúy

MẪU SỐ B 03-DN

BẢN SAO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.053.101.044	3.096.331.649
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(354.423.316)	(373.010.073)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.736.158.322)	(1.402.281.289)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(163.317.061)	(182.633.139)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		82.062.730	5.200.573
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(476.055.719)	(833.648.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		***405.209.356***	***309.959.282***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(360.815.455)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		600.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		102.702.502	175.162.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***341.887.047***	***(424.837.656)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(275.576.602)	(244.937.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(275.576.602)***	***(244.937.400)***
Lưu chuyển tiền thuần từ trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		**471.519.801**	**(359.815.774)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**665.116.604**	**1.024.932.378**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**5**	**1.136.636.405**	**665.116.604**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 12868 quyển số 5 /2016-SCT/BS
Ngày 22 -09- 2016
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Thanh Thúy

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phạm Thị Hải Ngọc	Phạm Thị Hải Ngọc	Lê Thị Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

BẢN SAO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum tiền thân là bến xe khách liên tỉnh Kon Tum trực thuộc Sở Giao thông vận tải Kon Tum. Được chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 11/10/2007 của UBND tỉnh Kon Tum và Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 09/02/2011 của UBND tỉnh Kon Tum về việc vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần bến xe Ô tô khách liên nội tỉnh Kon Tum.

Công ty Cổ phần Bến xe Kon Tum được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100764426 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 31/05/2010.

Vốn điều lệ: 32.797.400.000 VND *(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).* Tổng số cổ phần: 3.279.740 Cổ phần, mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nộ tỉnh liên tỉnh, (theo tuyến cố định và hợp đồng taxi);
- Vận tải hàng háo bằng ô tô loại khác trừ ô tô chuyên dụng;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải;
- Khách sạn nhà trọ;
- Dịch vụ ăn uống;
- Bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Cho thuê mặt bằng

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được so sánh với số liệu tương ứng của năm 2014 đã được phân loại lại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm	5 - 25 năm

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, lắp đặt giá trị nhỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng ti cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết qu phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	38.771.203	70.439.602
Tiền gửi ngân hàng	1.097.865.202	594.677.002
Cộng	**1.136.636.405**	**665.116.604**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 (VND)		31/12/2014 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Cộng	**1.000.000.000**	**1.000.000.000**	**1.600.000.000**	**1.600.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/201 VNI
- Bảo hiểm xã hội	53.313.562	53.313.56
- Phải thu lại lương của công nhân viên (*)	418.316.082	418.316.08
Cộng	**471.629.644**	**471.629.64**

(*) Chi phí lương đã chi nhưng không được chủ sở hữu phê duyệt năm 2013

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 VND	31/12/201 VNI
a. Các khoản phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.069.082	
Cộng	**44.069.082**	
b. Các khoản phải trả		
Thuế Giá trị gia tăng	149.925.716	138.006.27
Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	6.000.00
Cộng	**151.425.716**	**144.006.27**

c. Bảng biến động tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

	31/12/2014 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/201 VNI
Các phải phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	119.247.979	163.317.061	44.069.08
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	138.006.272	277.538.098	265.618.654	149.925.71
Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000	6.000.000	10.500.000	1.500.000
Thuế đất	-	155.340.698	155.340.698	-
Thuế khác	-	4.648.721	4.648.721	-
Cộng	**144.006.272**	**443.527.517**	**436.108.073**	**151.425.716**

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 31/12/2014	**5.206.401.196**	-	-	**5.206.401.196**
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	**5.206.401.196**	-	-	**5.206.401.196**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Tại ngày 31/12/2014	**1.828.806.067**	-	-	**1.828.806.067**
Số tăng trong năm	165.664.284	-	-	165.664.284
- Khấu hao trong năm	165.664.284	-	-	*165.664.284*
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	**1.994.470.351**	-	-	**1.994.470.351**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2014	**3.377.595.129**	-	-	**3.377.595.129**
Tại ngày 31/12/2015	**3.211.930.845**	-	-	**3.211.930.845**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015	31/12/201
	VND	VNI
Công trình xây dựng nhà vệ sinh, bồn cây	360.815.455	-
Cộng	**360.815.455**	

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/201
	VND	VNI
Giá trị lợi thế kinh doanh bến xe đã được định giá	27.901.509.643	27.901.509.64
Cộng	**27.901.509.643**	**27.901.509.64**

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu *(Chi tiết tại phụ lục 01)*

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VNI
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC	31.822.900.000	31.822.900.00
Phạm Quang Long	27.500.000	27.500.00
Trần Thị Hoa	27.000.000	27.000.00
Trần Hồng Long	27.000.000	27.000.00
Phạm Viết Nam	26.500.000	26.500.00
Trần Minh Huy	26.000.000	26.000.00
Các cổ đông còn lại trong công ty	840.500.000	840.500.00
Cộng	**32.797.400.000**	**32.797.400.00**

c. Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/201
	Số lượng	Số lượng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.279.740	3.279.74
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	*3.279.740*	*3.279.74*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*3.279.740*	*3.279.74*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	**10.000**	**10.00**

13. DOANH THU

	Năm 2015	Năm 201
	VND	VNI
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.775.562.946	2.814.847.16
Cộng	**2.775.562.946**	**2.814.847.16**

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VNI
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.617.995.903	1.641.721.23
Cộng	**1.617.995.903**	**1.641.721.23**

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 201
	VND	VNI
Lãi tiền gửi	102.702.502	176.931.30
Cộng	**102.702.502**	**176.931.30**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 201
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	593.226.736	728.933.00
Chênh lệch lợi nhuận kế toán trước thuế so với việc áp Thông tư	-	
Các khoản điều chỉnh tăng	3.013.158	8.734.78
- Chi phí không hợp lệ	*3.013.158*	*8.734.783*
Các khoản điều chỉnh giảm	-	
Thu nhập chịu thuế TNDN, trong đó:	596.239.894	737.667.78
- Chi phí thuế TNDN (thuế suất 20%)	*119.247.979*	*147.533.557*
Thuế TNDN được đã tính miễn giảm	-	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**119.247.979**	**147.533.55**

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	473.978.757	581.399.443
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.279.740	3.279.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	145	177

18. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Đồng thời số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA).

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	805.050.517	805.050.517
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	*421a*	*649.008.307*	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	*421b*	*156.042.210*	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	233.752.829	175.314.622
Quỹ dự phòng tài chính		-	58.438.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

20. THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày ở trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Kon Tum, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phạm Thị Hải Ngọc	Phạm Thị Hải Ngọc	Lê Thị Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE KON TUM

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 12869 quyển số 5 /2016 -SCT/BS
Ngày 22 -09- 2016
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thanh Thúy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Phụ lục số 01

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2013	**32.797.400.000**	**-**	**88.104.705**	**29.368.235**	**649.008.307**	**33.563.881.247**
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	581.399.443	581.399.443
Tăng khác	-	-	87.209.917	29.069.972	-	116.279.889
Giảm khác: Chi trả cổ tức và phụ cấp cho HĐQT (*)	-	-	-	-	425.357.233	425.357.233
Tại ngày 31/12/2014	**32.797.400.000**	**-**	**175.314.622**	**58.438.207**	**805.050.517**	**33.836.203.346**
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	476.991.915	476.991.915
Tăng khác	-	-	129.986.994	-	-	129.986.994
Giảm khác: Chi trả cổ tức và phụ cấp cho HĐQT phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	58.438.207	403.837.739	462.275.946
Tại ngày 31/12/2015	**32.797.400.000**	**-**	**305.301.616**	**-**	**878.204.693**	**33.980.906.309**

(*) Theo quyết định số 46/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 06 năm 2015, phân phối lợi nhuận được thực hiện cụ thể như sau: Chi phụ cấp Hội đồng quản trị không chuyên trách 60.000.000 VND; Chia cổ tức cho cổ đông là 215.729.611 VND; Trích quỹ đầu tư phát triển 87.209.917 VND; Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 58.139.944 VND.

(**) Tạm phân phối lợi nhuận: Chi phụ cấp Hội đồng quản trị không chuyên trách 60.000.000 VND; Chia cổ tức cho cổ đông là 227.423.590 VND; Trích quỹ đầu tư phát triển 71.548.787 VND; Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 47.699.192 VND.